

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **240** /2018/HSST

Ngày: 23/11/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và bà Đặng Thị Ngọc Lan.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thanh Thuý- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Quỳnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 240/2018/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253 /2018/QĐXXST-HS ngày 12 /11/2018 đối với bị cáo:

*Trần Lê Minh N*, tên gọi khác: T; sinh ngày 21/01/1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số nhà 13/11 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Trần Minh P, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Tâm H, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ, đi học văn hóa đến hết lớp 12 rồi học tiếp Cao đẳng du lịch Huế.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Anh Hồ Văn Anh T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số nhà 02/51/131 đường T, phường P, thành phố Huế, có mặt.

*Người làm chứng:*

Anh Trần Phương H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số nhà 5/7 đường N, phường P, thành phố Huế, có mặt.

Anh Nguyễn Văn Hoàng N1. Nơi cư trú: Số nhà 155 đường T, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Nguyễn Hoàng Quang T. Nơi cư trú: Số nhà 28/28 đường N, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Anh Phan Phước Quốc T1. Nơi cư trú: Số nhà 09/266 đường P, phường A, thành phố Huế, vắng mặt.

Ông Hoàng Cát T. Nơi cư trú: Số nhà 27/01/257 đường C, phường P, thành phố Huế, có mặt.

Ông Trịnh Thông N. Nơi cư trú: Tổ 7, khu vực 2, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Bà Trần Thị G, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Tổ 1, khu vực 1, phường H, thành phố Huế, vắng mặt.

Bà Võ Thị Lan C, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số nhà 28 đường T, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/9/2018, Trần Lê Minh N điều khiển xe mô tô của mình đến trường Cao đẳng nghề du lịch Huế để học. Khi N đi vào bãi để xe của nhà trường thì phát hiện có chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 75F1-350.27 của anh Hồ Văn Anh T (là bạn học cùng lớp với N) để ở bãi xe, chìa khóa điện vẫn còn cắm trên ổ khóa. N biết là T quên rút chìa khóa xe, nên đến lấy để đưa lên cho T. Khi đến nơi, do lớp đã vào học nên N chưa đưa chìa khóa ngay cho T được. Ngồi học một lúc thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của T bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 8 giờ 00 phút cùng ngày, N theo dõi rồi lên ra bãi giữ xe, dùng chìa khóa đã lấy trước đó mở cốp xe mô tô 75F1-350.27 lục tìm, lấy được 1 phiếu giữ xe. Ngay sau đó, N điều khiển xe mô tô 75F1-350.27 chạy ra cổng, đưa phiếu cùng tiền giữ xe cho bảo vệ, rồi đưa xe đi tìm nơi tiêu thụ. Do chưa biết chỗ bán hoặc cầm cố xe, nên N đã đưa xe mô tô 75F1-350.27 vừa chiếm đoạt được đến gửi cho anh Trần Phương H đang làm quản lý quán cà phê KORE ở địa chỉ 05/07 đường N, phường Phú Hội, thành phố Huế. Gửi xe xong, N thuê taxi quay về trường học tiếp.

Đến tối cùng ngày, N gặp bạn là Nguyễn Văn Hoàng N và Nguyễn Hoàng Quang T. Khi gặp Nhật nói dối với N1 và T là N có người bạn nhờ mang chiếc xe mô tô hiệu SH 125i biển số 75F1-350.27 đi cầm cố giúp. Do N1 và T không biết chỗ cầm cố, nên N gửi lại chiếc xe mô tô 75F1-350.27 tại nhà của T.

Đến trưa ngày 08/9/2018, bạn của T là Phan Phước Quốc T1 đến nhà T chơi, thấy có chiếc xe mô tô 75F1-350.27, nên mượn để đi học, thì được T đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô 75F1-350.27 về học tại trường Cao đẳng nghề du lịch Huế thì bị bảo vệ phát hiện trình báo với Công an.

*Vật chứng thu giữ:* 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i màu đen, biển số 75F1-350.27.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 339/KL-HĐĐG ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Trị giá chiếc xe

mô tô hiệu Honda SH125i, biển số 75F1-350.27, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 47.000.000 đồng.

*Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i cho anh Hồ Văn Anh T. Anh T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Lê Minh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 241/CT-VKS ngày 09/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Trần Lê Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Lê Minh N từ 09 tháng đến 01 năm tù .

*Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Do cơ quan điều tra đã trả lại cho chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 75F1-350.27 cho anh Hồ Văn Anh T, anh T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Lê Minh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Trần Lê Minh N lợi dụng sự sơ hở của anh Hồ Văn Anh T quên rút chìa khóa xe khi gửi xe tại trường, đồng thời bị cáo đã lấy vé gửi xe của anh T, lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda SH 125i của anh Hồ Văn Anh T, có trị giá 47.000.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Trần Lê Minh N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đang học Cao đẳng, có nhận thức pháp luật nhưng không chịu khó rèn luyện tu dưỡng đạo đức, quá trình thực hiện tội phạm có sự chuần bị phương thức, thủ đoạn để thực hiện tội phạm thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 75F1-350.27 có giấy đăng ký đứng tên bà Trần Thị G, bà G đã bán cho bà Võ Thị Lan C, sau đó bà C đã bán lại cho anh Hồ Văn Anh T. Việc mua bán giữa bà G, bà L và anh T chưa được thực hiện thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà G và bà C đều xác định đã chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho anh T. Hiện nay anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Lê Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Lê Minh N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Lê Minh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**